

Bản án số: 16/2024/DS-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Chánh.

2. Ông Trần Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Nguyễn Đức H, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Thành H1, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông H có mặt, ông H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Nguyễn Đức H trình bày:

Vào năm 2022, ông có hùn vốn với ông Trần Thành H1 để mua phần đất nền nhà diện tích 105m², thửa đất số 70, tờ bản đồ số 38, đất tọa lạc tại: Khu dân cư G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An với tổng số tiền là 450.000.000 đồng, ông đưa tiền cho ông Trần Thành H1 bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 6615205118200 do ông Trần Thành H1 đứng tên chủ tài khoản, cụ thể: Ngày 18/05/2022 chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng, ngày 03/06/2022 chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng, ngày 14/06/2022 chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng, ngày 04/07/2022 chuyển khoản số tiền 90.000.000 đồng, ngày 05/07/2022 chuyển khoản số tiền 90.000.000 đồng.

Sau đó, ông Trần Thành H1 nói với ông đã mua thửa đất trên rồi, nhưng để cho người khác đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không đồng ý. Ông yêu cầu ông Trần Thành H1 trả lại cho ông số tiền mà ông đã hùn vốn là 450.000.000

đồng, ngày 09/11/2022 ông H1 có trả cho ông được số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 400.000.000 đồng đến nay vẫn không trả.

Tại phiên tòa, ông H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thành H1 phải trả cho ông số tiền gốc 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Trần Thành H1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Ông H yêu cầu ông Trần Thành H1 trả cho ông số tiền gốc 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận vì: Căn cứ vào chứng từ giao dịch ngân hàng ngày 18/05/2022 ông chuyển khoản cho ông H1 qua số tài khoản 6615205118200 số tiền 30.000.000 đồng, ngày 03/06/2022 chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng, ngày 14/06/2022 chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng, ngày 04/07/2022 chuyển khoản số tiền 90.000.000 đồng, ngày 05/07/2022 chuyển khoản số tiền 90.000.000 đồng. Ông H đã chuyển khoản cho ông H1 tổng cộng là 450.000.000 đồng, ông H1 trả cho ông được số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại ông H số tiền 400.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ vào Công văn số 298/TCT.NHN_o-TH ngày 24/6/2024 của Ngân hàng N – chi nhánh huyện T thì số tài khoản 6615205118200 là số tài khoản của ông Trần Thành H1. Ông H1 không trả tiền cho ông H và ông H1 đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như việc tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải nhưng ông H1 đã từ bỏ quyền lợi của mình và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông H, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông H1 phải trả cho ông H số tiền gốc 400.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Đòi tài sản” quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Trần Thành H1 có địa chỉ tại ấp R, xã V, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Ông H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông H1 nhưng H1 vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc ông H xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Lê Nguyễn Đức H yêu cầu ông H1 phải trả số tiền gốc 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và cung cấp các giấy chứng từ giao dịch thể hiện nội dung chuyển tiền cho ông Trần Thành H1.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành sao gửi chứng cứ do ông Lê Nguyễn Đức H cung cấp cho bị đơn tiếp cận chứng cứ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án tiến hành thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn biết. Tuy nhiên, bị đơn không phản đối với chứng cứ do ông H cung cấp và bị đơn cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc không có nhận tiền ông H. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật.

Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

[3.2] Theo các chứng từ giao dịch do ông H cung cấp thì số tiền ông H đã chuyển đến số tài khoản 6615205118200 là 450.000.000 đồng. Ngày 24/6/2024, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Long An có văn bản xác nhận số tài khoản 6615205118200 là của ông Trần Thành H1 mở tại A chi nhánh huyện T, tỉnh Long An.

Như vậy, việc ông H1 có nhận tiền của ông H là có thật. Nay ông H yêu cầu ông H1 phải trả số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*”.

[3.3] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông H1 phải chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông H.

Ông H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Nguyễn Đức H đối với ông Trần Thành H1 về việc tranh chấp “Đòi tài sản”.

Ông Trần Thành H1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Nguyễn Đức H số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Trần Thành H1 phải chịu 20.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Nguyễn Đức H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông H 12.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001968 ngày 16/01/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh; (**Đã ký**)
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Dũng